

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
ĐỊA CHỈ: 106 PHỐ HUẾ - HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2008

Hà Nội, Tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	104,436,016,746	36,013,405,918
1	Tiền	58,954,194,000	20,058,667,878
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	20,280,076,080	12,115,854,212
	- Chứng khoán tự doanh	20,280,076,080	35,896,710,442
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người UTĐT		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tu ngắn hạn	0	(23,780,856,230)
3	Các khoản phải thu	19,174,317,803	736,793,260
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,027,428,863	3,102,090,568
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	4,815,194,374	4,362,648,069
1	Tài sản cố định	4,695,194,374	4,042,719,062
	- Tài sản cố định hữu hình	4,695,194,374	4,042,719,062
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình		
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
5	Tài sản dài hạn khác	120,000,000	319,929,007
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	109,251,211,120	40,376,053,987
IV	NỢ PHẢI TRẢ	57,655,656,707	20,007,375,649
1	Nợ ngắn hạn	57,655,656,707	20,007,375,649
2	Nợ dài hạn		
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	51,595,554,413	20,368,678,338
1	Vốn góp ban đầu	50,000,000,000	50,000,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	1,595,554,413	(29,631,321,662)
4	Vốn điều chỉnh		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	109,251,211,120	40,376,053,987

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh CK	6,916,464,834	13,950,580,076
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần	6,916,464,834	13,950,580,076
4	Thu lãi đầu tư	601,369,400	1,493,000
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh CK và lãi đầu tư	7,517,834,234	13,952,073,076
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	25,744,886,656	2,578,014,429
7	Lợi nhuận gộp	(18,227,052,422)	11,374,058,647
8	Chi phí quản lý	12,611,234,678	9,195,747,571
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh CK	(30,838,287,100)	2,178,311,076
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	(6,222,477)	2,237,408
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	(30,844,509,577)	2,180,548,484

12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	(31,445,878,977)	2,179,055,484
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		610,135,535
14	Lợi nhuận sau thuế	(30,844,509,577)	1,570,412,949
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản:		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	4.41	10.01
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	95.59	89.19
2	Cơ cấu nguồn vốn:		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn (%)	52.77	49.55
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn (%)	47.23	50.45
3	Khả năng thanh toán:		
	- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.81	1.80
	- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.81	1.80
4	Tỷ suất lợi nhuận:		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	1.44	-76.39
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (%)	11.26	-445.96
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu(%)	3.04	-151.43

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đinh Thị Chuyên

Nguyễn Chí Dũng